

Phẩm 196: NĂM TRÍ

Năm trí: Trí pháp trụ, trí Niết-bàn, trí vô tránh, trí nguyện, trí biên tế. Biết các pháp sinh khởi gọi trí pháp trụ, như sinh duyên lão tử cho đến vô minh duyên hành. Vì có Phật không Phật thì tánh này vẫn thường trụ, nên gọi là trí pháp trụ. Pháp này diệt gọi là trí Niết-bàn. Như sinh diệt nên lão tử diệt, cho đến vô minh diệt nên các hành diệt.

Hỏi: Nếu vậy thì trí Niết-bàn cũng gọi là trí pháp trụ. Vì sao? Vì nếu có Phật không Phật thì tánh vẫn thường trụ.

Đáp: Diệt hết các pháp gọi Niết-bàn. Trong diệt hết đó còn có pháp gì mà trụ được?

Hỏi: Niết-bàn chẳng phải có thực sao?

Đáp: Ấm diệt hết không còn gọi là Niết-bàn. Trong đó có gì nữa.

Hỏi: Thực có Niết-bàn, làm sao biết được? Diệt để gọi là Niết-bàn, các Khổ đế v.v... thực có, nên Niết-bàn cũng phải có thực. Lại trí trong Niết-bàn gọi là trí diệt. Nếu không có pháp làm sao sinh trí. Trong kinh Đức Phật dạy: Có sinh khởi tạo tác là pháp hữu vi, không sinh khởi tạo tác là pháp vô vi. Lại trong kinh nói: “Chỉ có hai pháp: Hữu vi và vô vi”. Pháp hữu vi có sinh, trụ, dị, diệt. Pháp vô vi không có sinh trụ dị diệt Trong kinh dạy: “Các pháp vốn có hoặc hữu vi hoặc vô vi, diệt hết là Niết-bàn, chỉ đây là vô thường”. Lại nói: Sắc là vô thường, diệt sắc nên Niết-bàn thường. Cho đến thức cũng như vậy. Trong kinh dạy: “Diệt cần phải chứng”. Nếu không có pháp thì chứng cái gì? Ở trong Kinh Đa Tính Đức Phật dạy: “Người trí như thật biết tánh hữu vi và vô vi. Tánh vô vi tức là Niết-bàn. Dùng chân trí để biết, vì sao nói không? Trong các kinh không như định nói Niết-bàn là không có pháp. Nên biết ông tự nhớ nghĩ tưởng phân biệt, cho rằng không có Niết-bàn?

Đáp: Nếu trừ bỏ các ấm không còn có pháp khác gọi là Niết-bàn, thì không nên gọi các ấm diệt hết là Niết-bàn. Lại nếu có Niết-bàn thì phải chỉ ra thể của nó ra sao? Lại duyên của định Niết-bàn là vô tướng. Nếu tướng của pháp còn sao gọi là vô tướng? Như trong kinh dạy: “Hành giả thấy tướng của sắc diệt cho đến thấy tướng của pháp diệt”. Trong các kinh đều dạy: “Tất cả hành vô thường, tất cả pháp là vô ngã, Niết-bàn là vắng lặng. Ngã trong ấy gọi là thể tánh của các pháp. Nếu không thấy thể tánh của các pháp thì gọi là người thấy vô ngã. Nếu Niết-bàn là pháp thì không thể thấy không có thể tánh. Vì pháp này không diệt. Như khi có bình thì không có pháp bình bị hủy hoại. Nếu khi bình bị hủy hoại thì mới được gọi là bình tan vỡ. Chặt đứt các cây cũng như thế.

Như vậy nếu các hành còn thì khi ấy không được gọi là Niết-bàn. Vì các hành diệt nên có tên Niết-bàn. Lại khổ diệt không được gọi còn có pháp riêng. Như trong kinh dạy: “Này các Tỳ-kheo! Nếu khổ này diệt thì khổ khác không sinh, không còn nối tiếp. Chỗ ấy là vắng lặng an ổn thứ nhất”. Đó gọi là xả bỏ tất cả tham ái của thân tâm, vĩnh viễn xa lìa diệt trừ hết, Niết-bàn. Trong ấy nói, khổ này diệt, khổ khác không sinh, còn có pháp gì gọi là Niết-bàn! Cũng không còn có pháp riêng để diệt! Chỉ ái đã sinh thì diệt, ái chưa sinh thì không sinh. Khi ấy gọi là tận. Còn có pháp gì gọi là tận? Thật không thể nói. Lại nữa, còn có tên khác của pháp, pháp năm ấm không có, gọi là Niết-bàn. Trong đó không có gọi là có, đây là không thể được, vì diệt hết nên gọi là Niết-bàn. Giống như áo hết không còn có pháp riêng. Nếu không như vậy thì cũng phải có pháp hết áo riêng. Ông nói có trí diệt thì cũng không hại gì. Giống như việc chặt cây, trí sinh cũng không có pháp đoạn trừ riêng biệt. Do các hành nên trí sinh trong ấy. Nghĩa là tùy theo các hành không có thì gọi là Niết-bàn, như khi không có vật ấy, biết vật đó rỗng không, không hề có.

Hỏi: Nay không có Niết-bàn sao?

Đáp: Chẳng phải không có Niết-bàn chỉ không có pháp thật. Nếu không có Niết-bàn thì thường ở trong sinh tử, mãi mãi không mong ngày giải thoát. Như có hình bị vỡ, cây bị chặt chỉ là chẳng phải thật có pháp riêng. Còn các đế khác đã trả lời chung. Vì sao? Vì có khổ diệt, nên nói có pháp không sinh, không khởi, không tạo tác, vô vi; thủy đều không hại gì. Trí vô tránh là dùng trí nào mà không tranh cãi với người khác, thì đó gọi là vô tránh. Có người nói do lòng từ vậy. Vì lòng từ nên chẳng làm hại chúng sinh. Lại có người nói: Chính là hạnh “không”. Do hạnh “không” này mà chẳng tranh cùng vật. Lại có người nói chính là tâm thích Niết-bàn. Vì vui thích Niết-bàn nên không có tranh cãi. Có người cho rằng ở trong Thiền thứ tư, lời này không chắc chắn. Vị A-la-hán dùng trí ấy tu tập tâm nên không tranh cãi. Trí nguyện là ở trong các pháp trí không bị ngăn ngại, gọi là trí nguyện.

Hỏi: Nếu nói như vậy, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới đạt được trí này.

Đáp: Đúng vậy. Chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới đầy đủ trí này, còn người khác tùy theo năng lực mà đạt được không ngăn ngại. Trí biên tế là tùy hành giả được trí tối thượng, nhờ tất cả thiền định huân tập tu hành tăng trưởng. Nếu ở trong sự tăng giảm của mạng sống mà được sức tự tại gọi là trí biên tế.

Phẩm 197: SÁU THÔNG TRÍ

Có trí sáu thông. Sáu thông là: Thân thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng và lậu tận. Thân thông là thân hành giả tuôn ra lửa nước, bay bổng lên, ẩn hiện, chấp giữ mặt trời mặt trăng, bay đến cõi Phạm tự tại và biểu hiện đủ các pháp biến hóa. Các nghiệp như vậy gọi là thân thông.

Hỏi: Làm sao thành tựu được việc ấy?

Đáp: Hành giả tu tập thiền định sâu xa nên chứng được. Như trong kinh dạy: Năng lực của thiền định không thể nghĩ bàn. Có người cho rằng: Tâm biến hóa là vô ký. Điều này không đúng. Nếu hành giả này vì lợi người mà biến hiện đủ thứ, thì làm sao gọi là vô ký? Có người nói dùng tâm cõi Dục làm biến hóa cõi Dục, tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Sắc. Điều này cũng không đúng. Mắt v.v... cũng như vậy. Có thể dùng thức cõi Dục thấy sắc cõi Dục chăng? Như vậy nếu tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Dục đâu có lỗi gì? Có người nói: Thần thông của Thiền thứ nhất có thể đạt đến cõi Phạm thế, cho đến thần thông của Thiền thứ tư có thể đạt đến cõi Sắc cứu cánh. Đây cũng không đúng. Tùy theo căn, lực, có thể đạt đến. Nếu người căn lạnh lợi dùng thần thông của Thiền thứ nhất có thể đạt đến Thiền thứ tư. Người căn cơ thấp kém dùng thần thông của Thiền thứ hai, chứ không thể dùng Thiền thứ nhất. Như Đại Phạm Vương thiền trung gian, trong ấy, không có thần thông dùng năng lực của Thiền thứ nhất để đạt đến các cõi Phạm thiên khác, hoặc ngay khi dùng Thiền thứ nhất cũng không biết được nơi an trú của Phạm vương. Lại Đức Phật dùng túc mạng, nghĩ nhớ về cõi Vô sắc. Như trong kinh dạy: “Nếu đời trước đã sinh vào cõi Sắc hay Vô sắc Đức Phật đều biết rõ.” Vì thế không nhất định. Lại có người nói: Thiên nhãn là tánh của tuệ. Điều này không đúng. Thiên nhãn là do ánh sáng; thành tựu tuệ không như vậy.

Hỏi: Trong kinh dạy: “Tu tập tướng “ánh sáng” có thể thành tựu tri kiến. Tri kiến tức là thiên nhãn.

Đáp: Không đúng. Cũng nói thiên nhĩ không dùng tánh tuệ, gọi đó là nhĩ, nên chẳng phải tuệ. Lại thiên nhãn duyên sắc ở hiện tại. Ý thức không như vậy. Trong lời giải thích về thiên nhãn nói biết nghiệp báo của chúng sinh. Nhãn thức không có năng lực biết, chỉ trong ý thức biết là khi dụng nhãn thức sinh. Như do thiền định mà sinh sắc gọi là thiên nhãn.

Hỏi: Nơi hình thiên nhãn lớn nhỏ?

Đáp: Bằng đồng tử.

Hỏi: Người mù thế nào?

Đáp: Cũng bằng nhãn xứ.

Hỏi: Thiên nhãn là một hay hai?

Đáp: Là hai.

Hỏi: Tùy theo nhìn hướng nào thì thấy phương đó sao?

Đáp: Thấy khắp các phương.

Hỏi: Người biến hóa cũng có sao?

Đáp: Không có. Người tạo sự biến hóa có Thiên nhĩ mới luận.

Cũng như vậy, nếu hành giả biết tâm người gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Tại sao không nói biết tâm số của người khác.

Đáp: Vì nhân duyên này nên không có tâm sở riêng, các thọ, tưởng của người khác mà cũng gọi là tha tâm trí. Có người nói trí này đồng với tánh duyên. Như dùng hữu lậu biết hữu lậu, dùng vô lậu biết vô lậu.. Việc này không đúng. Người này không thể nói nhân duyên quyết định, vì nhân duyên này biết đồng tánh duyên. Có người cho rằng chỉ duyên với hiện tại. Đây cũng không đúng. Hoặc duyên vị lai nhưng người vào định không có giác. Biết từ định này khởi, sẽ biết được những việc như thế như thế. Có người nói: Trí này không biết đạo kiến đế. Việc này không đúng. Nếu biết có lỗi gì? Có thuyết cho rằng: Bích-chi Phật muốn biết tâm thứ ba trong đạo kiến đế liền thấy tâm thứ bảy. Hàng Thanh văn muốn biết tâm thứ ba liền thấy tâm thứ mười sáu. Đây không gọi là biết đạo kiến đế chăng? Có người cho rằng, trí này không biết thượng căn của người trên, địa trên. Đây cũng không nhất định. Chư Thiên cũng biết tâm Đức Phật. Một hôm Đức Phật rất muốn đuổi chúng Tăng, nghĩ lại muốn giữ lại. Phạm vương đều biết. Lại có một lúc tâm nghĩ muốn làm vua để dùng chánh pháp mà giáo hóa đời. Ma vương liền biết nên đến khuyến thỉnh. Lại chư Thiên cũng biết vị này là A-la-hán, cho đến vị này đang tu tập quả Tu-đà-hoàn. Các Tỳ-kheo cũng biết tâm Phật. Như khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn thì Tôn giả A-na-luật biết Đức Phật tuần tự vào các thiền định. Có người lại nói: Trí này không biết cõi Vô sắc. Đây cũng không đúng. Đức Phật dùng túc mạng có thể biết Vô sắc. Tha tâm trí cũng như thế, biết có lỗi gì?

Hỏi: Làm sao biết tâm người khác?

Đáp: Ở trong cảnh duyên mà biết, như tâm tiếp xúc với sắc gọi là tâm duyên sắc. Tất cả đều như vậy.

Hỏi: Nếu vậy thì tha tâm trí duyên tất cả pháp?

Đáp: Đúng vậy. Nếu không biết duyên làm sao biết tâm. Như

trong kinh dạy: “Ta biết tâm của ông như vậy”, tức là duyên sắc. Biết tâm người có ba loại: Một tướng biết, hai báo được, ba tu tập được. Tướng biết: nhờ chú Ưởng-già nên biết tất cả. Báo được: như các Quỷ thần. Tu được: năng lực thiền định chứng được tha tâm trí. Trong sáu thông này nói tu được, là hoặc nhớ các ấm trong đời quá khứ gọi là túc mạng trí.

Hỏi: Nhớ nghĩ ấm của ai?

Đáp: Nhớ nghĩ ấm của mình, người khác, và phi chúng sinh, chỉ không nhớ các ấm của người hơn mình mà thường nhớ các pháp như giới v.v... của người hơn mình. Làm sao biết được? Như Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời Đức Phật. Con tuy không biết tâm của Phật ở quá khứ, vị lai, nhưng có thể biết pháp của các Ngài. Trời Tịnh Cư biết được tâm Phật nên đến thưa Đức Phật: Như vậy Thế Tôn! Oai nghi của chư Phật quá khứ cũng thế.

Hỏi: Trong phần giải nghĩa túc mạng, tại sao nói cộng tướng, cộng tánh?

Đáp: Nhớ nghĩ rõ ràng nên nói tướng danh tự như vậy, như tên người nào đó vậy. Lại do biết việc nên gọi là tướng họ, tên, dòng tộc. Như nói đây là nhà của ông, đây là họ của ông, tướng tánh hợp lại nói, nên thấy biết rõ ràng.

Hỏi: Vì sao nhớ biết rõ ràng?

Đáp: Pháp quá khứ diệt hết, không còn tướng mà có thể biết được. Đây là điều kỳ lạ. Có người dùng suy lường tướng để mà biết, mà không thể rõ ràng, cho rằng đệ tử của Đức Phật cũng lại như vậy. Vì thế tánh tướng hợp lại mà nói. Có người dùng túc mạng trí, hoặc dùng Tư tuệ của đạo mà biết được đời quá khứ, như hành duyên thức. Trong hai loại này Tư tuệ là hơn hết. Vì sao? Vì người này tuy biết tám vạn đại kiếp mà không có Tư tuệ này nên sinh tà kiến, cho rằng từ trước đến nay gọi là sinh tử, qua khỏi đây không có. Tư tuệ của đạo, nên cuối cùng không có tâm này. Có người cho rằng: Trí này nhớ nghĩ quá khứ theo thứ lớp. Điều này chẳng đúng. Vì mỗi một niệm tuần tự nhớ việc trong một kiếp còn khó biết hết, huống gì vô lượng kiếp.

Hỏi: Tại sao trong kinh lại dạy: “Ta suốt chín mươi một kiếp đến nay, chưa từng thấy bố thí tổn kém mà không có phước báo.”

Đáp: Đức Phật ở trong đây lấy bảy Đức Phật làm chứng, cũng có sống lâu trong cõi Tịnh cư cùng thấy với Đức Phật kia. Lại vì Phật được trí chân thật nên công đức thanh tịnh. Nếu người nào cúng dường thì được phước hai đời. cho nên ví dụ ngang bằng để nói. Có người nói:

“Trí này không chứng được địa thượng. Việc này chẳng đúng. Thân thông ở trên đã trả lời.

Hỏi: Nếu là tánh nhớ thì sao gọi là trí?

Đáp: Nhớ nghĩ theo tướng sinh, quá khứ không tướng mà thường nhớ nghĩ nên biết đó là trí tuệ thù thắng, mà gọi là nhớ nghĩ. Nhớ mạng sống đời trước có ba loại: Một là dùng túc mạng trí. Hai là báo được. Ba sinh ra liền tự nhớ. Túc mạng trí là tu được. Báo được là như các quỷ, thần. Sinh ra tự nhớ là trong cõi người.

Hỏi: Do những nghiệp gì sinh ra liền tự nhớ?

Đáp: Do nghiệp không làm nhiều hại chúng sinh nên mới được. Vì sao? Vì khi chết, khi sinh các khổ rất bức ngặt nên nhớ nghĩ quên mất. Trong ấy khó nhớ được nên cần nhờ nghiệp thiện. Có người nói: Nhớ bảy đời cuối cùng ở quá khứ. Việc này không nhất định. Có người đời đời tu thật nhiều pháp không nhiều hại, nên thường được nhớ nghĩ lâu xa. Chứng lậu tận trí thông chính là chứng Kim cương Tam muội. Kim cương Tam muội tức là tâm lậu tận. Trí của Vô ngại đạo lậu tận là vô học trí. Dùng Kim cương Tam muội diệt hết các phiền não nên gọi là chứng lậu tận trí thông.

Hỏi: Các thần thông khác cũng nên nói do pháp nào mà chứng được?

Đáp: Trước đã trình bày tu tập thiền định sâu xa chứng thần túc thông. Tùy theo sự năng chứng và việc sở chứng đều gọi là thần thông. Có người nói: “Tất cả đạo của bậc Thánh đều là phương tiện diệt hết phiền não.” Như trong kinh dạy: “Nếu Đức Phật thị hiện thế gian có người thiện nghe pháp xuất gia, giữ gìn giới luật, trừ bỏ năm thứ ngăn che, tu tập thiền định thấy đế”, thì những điều ấy đều là phương tiện diệt hết phiền não. Có người nói: Các pháp thiện như bố thí v.v... cũng là nhân duyên để hết phiền não. Như trong kinh dạy: “Hành giả bố thí để trợ giúp được hết phiền não, thành tựu trí “không”, vô ngã.” Đây gọi là chân thật chứng lậu tận trí thông. Pháp này có tên riêng là Kim cương Tam muội. Vì có khả năng phá trừ các tướng nên gọi là kim cương. Các người ngoại đạo chỉ gọi là năm thông, đều do không đạt được trí chân thật này.

Hỏi: Dùng trí vô ngã phải phá được ngã kiến. Tại sao lấy trí này diệt trừ tham, giận v.v...?

Đáp: Trí vô ngã có khả năng diệt trừ các tướng. Vì vô tướng nên phiền não diệt.

Hỏi: Vì dùng trí vô ngã ban đầu có thể diệt trừ các tướng, còn trí

thứ hai lại dùng để làm gì?

Đáp: Các tướng tuy diệt rồi sinh trở lại, vì thế phải dùng trí thứ hai ...

Hỏi: Nếu tướng diệt rồi sinh trở lại thì không có giới hạn. Vậy thì không có đạo A-la-hán?

Đáp: Có giới hạn, như hôm nay thấy sữa diệt rồi lại sinh, có khi sữa diệt, bơ lại sinh, vậy là tướng giới hạn cũng như vậy. Như đốt sắt, tướng đen diệt rồi sinh lại, đến tướng đỏ sinh, khi ấy gọi là giới hạn. Các ví dụ như Ca-la-la (phôi thai) cũng như vậy. Tùy đến khi nào các tướng diệt hết, không còn tướng sinh, thì khi ấy gọi là đắc đạo A-la-hán.

Hỏi: A-la-hán đều không có các tướng sao?

Đáp: Nếu còn ở trong tâm bất định, thì lúc ấy cũng có các tướng như sắc v.v..., nhưng không sinh lỗi. Nếu người thấy sắc, dùng tâm tà phân biệt sai lầm, thì bấy giờ tướng thường sinh lỗi.

Hỏi: Thế nào gọi là trí “không”, vô ngã?

Đáp: Nếu hành giả ở trong năm thứ ngăn che mà không thấy chúng sinh giả danh, vì pháp “không” nên thấy thể của sắc diệt, cho đến thức diệt, thì đây gọi là trí “không”, vô ngã.

Hỏi: Giả sử các pháp thường còn, các phiền não như ái v.v... cũng có thể diệt trừ hết, như nói muôn vật thường tồn tại mà người tinh tấn có thể diệt trừ ái, thì đâu cần phải diệt tướng?

Đáp: Trong kinh dạy: “Chỉ có tướng sinh đều biết có tướng diệt; ở trong các pháp được pháp nhãn tịnh”. Nếu do diệt hết thì gọi là đoạn trừ hoàn toàn. Có hành giả xa lìa các sắc dục, ngăn chặn, diệt trừ tham giận. Đức Phật do đây mà nói kệ như vậy. Lại nói tánh “không” của các hành như huyễn, phạm phu vô trí cho là thật có, bậc Học hiểu rõ là hư dối như huyễn, A-la-hán cũng chẳng thấy huyễn. Thế nên biết tùy theo trí tuệ nào đó mà chứng các pháp diệt. Đây gọi là chứng lậu tận trí thông.
